TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2019
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận

2. Bà Trần Ngọc Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuân An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1263/2019/HNGĐ-ST ngày 18/9/2019 về việc "Ly hôn (không công nhận vợ chồng)", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Ấp H, xã H, huyện Ch, tỉnh A; tạm trú: B2/21B, tổ 9, khu phố B, phường Th, thị xã Th, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1977; nơi ĐKHKTT: Ấp Nh, xã Nh, huyện Ch, tỉnh A; tạm trú: T31/2, khu phố B, phường Th, thị xã Th, tỉnh B.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông T và bà L tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nay ông T nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà L

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 19/10/2006 và Bùi Thanh Nh, sinh ngày 31/12/2002. Sau khi ly hôn ông T yêu cầu

được trực tiếp nuôi con Bùi Thanh H, bà L trực tiếp nuôi con Bùi Thanh Nh. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản tự khai,biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian và điều kiện kết hôn, con chung. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 19/10/2006 và Bùi Thanh Nh, sinh ngày 31/12/2002. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Về con chung: Đồng ý để ông T nuôi con Bùi Thanh H, bà L nuôi con Bùi Thanh Nh. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông T khởi kiện bà L yêu cầu được ly hôn, bà L hiện đang trú tại phường Th, thị xã Th, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông T và bà L sống chung với nhau từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông T và bà L có 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 19/10/2006 và Bùi Thanh Nh, sinh ngày 31/12/2002.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, tính tình không hợp. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nên nguyên đơn và bị đơn thống nhất ly hôn.

Tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại Điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: Nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003, từ sau thời gian này họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông và bà L có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tùng không công nhận ông T và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông T và bà L thỏa thuận ông T nuôi con Bùi Thanh H, sinh ngày 19/10/2006 và bà L nuôi con Bùi Thanh Nh, sinh ngày 31/12/2002, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh T về việc yêu cầu ly hôn (không công nhận vợ chồng) với bà Trần Thị Mỹ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Bùi Thanh T và bà Trần Thị Mỹ L là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T và bà L về việc ông Bùi Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thanh H, sinh ngày 19/10/2006; bà Bùi Thị Mỹ L trực tiếp nuôi con Bùi Thanh Nh, sinh ngày 31/12/2002. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0036019 ngày 13/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư